

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Nhà khối cơ quan hành chính sự nghiệp thị xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định 635/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của UBND thị xã Hương Trà về việc phê duyệt chủ trương đầu công trình Nhà khối cơ quan hành chính sự nghiệp thị xã;

Căn cứ Thông báo số 946/TB-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024 của UBND thị xã Hương Trà về việc phân bổ kinh phí đầu tư công năm 2024 (đợt 2) từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu;

Theo Văn bản số 1075/TĐ-QLĐT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của phòng Quản lý đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nhà khối cơ quan hành chính sự nghiệp thị xã;

Xét đề nghị của phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 240/TTr-TCKH ngày 18 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Nhà khối cơ quan hành chính sự nghiệp thị xã với những nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình:** Nhà khối cơ quan hành chính sự nghiệp thị xã.
- 2. Chủ đầu tư:** Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu vực thị xã Hương Trà.
- 3. Mục tiêu, quy mô đầu tư và phương án xây dựng:**

* **Mục tiêu đầu tư:** Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ công chức, viên chức; chỉnh trang, tạo môi trường cảnh quan sáng, xanh, sạch, đẹp cho các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn trung tâm thị xã.

* **Quy mô đầu tư:** Cải tạo, sửa chữa Nhà khối cơ quan hành chính sự nghiệp thị xã bao gồm các trụ sở: Phòng Tài chính – Kế hoạch, phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Hương Trà, Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Công an thị xã, Tòa án thị xã.

* **Phương án xây dựng:**

- Phòng Tài chính - Kế hoạch: Cạo và sơn lại toàn bộ mặt trước, sê nô mái bao quanh trụ sở và toàn bộ công, hàng rào 01 nước lót + 02 nước phủ. Cạo, sơn lại lan can sắt cầu thang 01 nước lót + 02 nước phủ; hoa sắt cửa đi, cửa sổ 01 nước lót + 01 nước phủ. Sơn phủ bóng lại trần phòng họp, toàn bộ cửa đi, cửa sổ bằng gỗ. Thay thiết bị điện phòng họp tầng 2. Xây mới ram dốc cho người khuyết tật có lan can bằng Inox.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo: Cạo và sơn lại trần tiền sảnh, trần hành lang tầng 1, tầng 2, lan can hành lang... mặt trước; lan can hành lang mặt 2 bên và mặt sau; sê nô mái bao quanh trụ sở; tường mặt ngoài khu vực cầu thang mặt sau và toàn bộ công, hàng rào 01 nước lót + 02 nước phủ. Làm mới bảng hiệu trụ sở bằng đá; ốp gạch granit 30x60cm cột tiền sảnh. Tháo dỡ xà gồ, li tô bằng gỗ, mái ngói khối nhà kho và thay lại bằng xà gồ thép hộp, lợp mái tôn sóng vuông dày 0,45mm.

- Ủy ban mặt trận và các đoàn thể: Cạo, bả và sơn lại tường, trần, cột, lan can hành lang tầng 2, tầng 3 mặt trước; sê nô mái mặt trước + 02 mặt bên và toàn bộ công, hàng rào 01 nước lót + 02 nước phủ. Thay mới 3 bộ khoá cửa tầng 1; sửa chữa hệ thống cửa.

- Trung tâm bồi dưỡng chính trị:

+ Trụ sở: Đục trây và trát tường chân móng; cạo và sơn lại tường, trần, lan can hành lang, cột, sê nô mái ... mặt trước và công, hàng rào (mặt trước, 2 mặt bên) 01 nước lót + 02 nước phủ.

+ Nhà nghỉ học viên: Cạo và sơn lại tường, cột, dầm mặt trong; tường mặt trước và mặt phải; sê nô mái mặt trước 01 nước lót + 02 nước phủ. Sơn sửa hệ thống cửa gỗ 01 nước lót + 02 nước phủ. Thay thiết bị điện. Lát gạch sân, lối đi nội bộ bằng gạch Terrazzo 30x30cm.

- Trụ sở công an thị xã: Cạo và quét vôi tường, lan can hành lang, trần, cột... mặt trước, 2 mặt bên và toàn bộ sê nô mái bao quanh 01 nước lót + 02 nước phủ.

- Toà án nhân dân thị xã: Cạo, bả và sơn lại tường, trần, lan can, tiền sảnh, mặt trước, sê nô mái mặt trước; mặt ngoài nhà bảo vệ và cổng, hàng rào mặt trước 01 nước lót + 02 nước phủ. Sơn sửa hệ thống cửa mặt trước trụ sở 01 nước lót + 02 nước phủ.

4. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, tổ chức khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Green.

5. Địa điểm xây dựng: phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà.

6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Công trình dân dụng, nhóm C, cấp III.

7. Tổng mức đầu tư : **1.500.000.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	1.266.268.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	39.669.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	128.709.000	đồng
- Chi phí khác	:	18.108.000	đồng
- Chi phí dự phòng	:	47.246.000	đồng

(có Phụ lục 01 kèm theo).

8. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024.

9. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu.

10. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

12. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a. Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

* Phần công việc đã thực hiện:

+ Gói thầu số 01 - Khảo sát, đo vẽ hiện trạng; Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

+ Gói thầu số 02 - Thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán.

* Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: Quản lý dự án; Giám sát thi công; Lập HSMT, đánh giá HSDT; Thẩm định giá; Thẩm định BCKTKT; Thẩm định HSMT, kết quả LCNT; Thẩm tra phê duyệt quyết toán.

b. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

+ Gói thầu số 03 - Toàn bộ phần xây lắp.

+ Gói thầu số 04 - Bảo hiểm công trình.

c. Giá gói thầu, nguồn vốn, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức lựa chọn nhà thầu, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng: *(có Phụ lục 02 kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Kho bạc nhà nước Hương Trà; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực thị xã Hương Trà và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND thị xã;
- VP: LĐ, CVKT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
CÔNG TRÌNH: NHÀ KHÔI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP THỊ XÃ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của UBND thị xã)

ĐVT: đồng.

TT	H'ng m'c chi ph'Y	Ký hi'U	C, ch t'Ynh	Th'nh ti'On
1.	Chi ph'Y x'Y dùng:	G1	A1+...+A6	1.266.268.000
	- Ph'ng T'p ch'Ynh - K' ho'ch	A1	A1	206.438.000
	- Ph'ng Gi, o d'c v' §'o t' o	A2	A2	271.470.000
	- Tr' s' c' quan m'Et tr'En v' c, c @o'p th' O	A3	A3	166.619.000
	- Trung t'om b' d'ing ch'Ynh tr'P	A4	A4	383.003.000
	- Tr' s' c'ng an th'P x'	A5	A5	89.781.000
	- T'ba ,n nh'On d'On th'P x'	A6	A6	148.957.000
2.	Chi ph'Y qu'In lý d' ,n:	G2	G1*3,446%/1,1	39.669.000
3.	Chi ph'Y t- v'En @Çu t- x'Y dùng:	G3	TV1+...+TV7	128.709.000
	- Chi ph'Y kh'lo s, t, @o v' hi'On tr'ng	TV1	<i>Quy'Ot @Pnh s' 143/QS-QLDA ng'uy 08/5/2024</i>	11.264.000
	- L'p b, o c, o kinh t' k' thu'Et	TV2	G1*6,26%*0,8	63.415.000
	- Th'Em tra thi'Ot k' k' thu'Et, BVTC	TV3	G1*0,258%	3.267.000
	- Th'Em tra d' to, n x'Y dùng	TV4	G1*0,25%	3.166.000
	- Gi, m s, t thi c'ng x'Y dùng	TV5	G1*3,285%	41.597.000
	- L'p h' s' m'êi th'Çu XD	TV6	T'èi thi'OU	3.000.000
	- §, nh gi, h' s' m'êi th'Çu XD	TV7	T'èi thi'OU	3.000.000
4.	Chi ph'Y kh, c:	G4	K1+...+K6	18.108.000
	- Chi ph'Y th'Em @Pnh BCKTKT	K1	(TV3+TV4)*15%	965.000
	- Chi ph'Y th'Em @Pnh h' s' m'êi th'Çu	K2	T'èi thi'OU	2.000.000
	- Chi ph'Y th'Em @Pnh k'Ot qu' @'Eu th'Çu	K3	T'èi thi'OU	3.000.000
	- Chi ph'Y th'Em tra ph' duy'Ot quy'Ot to, n	K4	G*0,57%	8.550.000
	- Chi ph'Y th'Em @Pnh gi,	K5	T'm t'Ynh	2.200.000
	- Chi ph'Y b'lo hi'Om c'ng tr'xnh	K6	G1*0,11%	1.393.000
5.	Chi ph'Y d' ph'ng:	G5	D' ph'ng ph'Y	47.246.000
6.	T'æng céng(1+2+3+4+5)	G	G1+...+G5	1.500.000.000

